TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 181/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 8 – 2019
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Hà Trọng Tâm.
- Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 639/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 589/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Đường L, khóm H, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

– Bị đơn: Chị Hồ Thị Bạch C, sinh năm: 1971 (có mặt).
Địa chỉ: Đường T, khóm B, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22/7/2019 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và Chị Hồ Thị Bạch C chung sống với nhau vào năm 1993, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do anh chị bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn chị C.

Về con chung: Anh chị có hai người con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh năm 1995, Nguyễn Duy K, sinh ngày 19/02/2008, hiện cháu K đang sống với chị C. Khi ly hôn, anh N yêu cầu chị C trực tiếp nuôi cháu K, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh N xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là chị Hồ Thị Bạch C trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Chị xác định về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như lời anh N trình bày là đúng. Nay anh N xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai người con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh năm 1995, Nguyễn Duy K, sinh ngày 19/02/2008, hiện cháu K đang sống với chị. Khi ly hôn, chị đồng ý nhận nuôi cháu K và đồng ý để anh N cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định có nhưng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Hồ Thị Bạch C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh, chị xác định có 02 con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh năm 1995, Nguyễn Duy K, sinh ngày 19/02/2008, hiện cháu D đã trưởng thành, cháu K đang sống với chị C. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị C tiếp tục nuôi cháu K. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự và cũng phù hợp nguyện vọng cháu K muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Duy K cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Đối với cháu D đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng nên không xem xét.

[3] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000đ và được chị C thống nhất, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2019 dl, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[4] Về tài sản chung: Anh N, chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

[5] Về nợ chung: Anh N, chị C khai không nợ ai và không ai nợ lại nên không đặt ra giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình, án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Hồ Thị Bạch C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 19/02/2008 cho chị Hồ Thị Bạch C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2019 dương lịch, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Đối với cháu Nguyễn Khánh D đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh N, chị C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh N phải chịu 300.000đ. Ngày 22 tháng 7 năm 2019, anh N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000484 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con anh N nhận nộp 150.000đ (Chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu